

**TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY
PHÁT ĐIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CON**

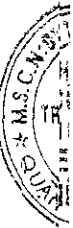
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 40
PHỤ LỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	41



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một Thành Viên - Tổng Công ty phát điện 3 (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây được gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CHỦ TỊCH VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch và các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Văn Lê	Chủ tịch
Ông Đinh Quốc Lâm	Tổng Giám đốc
Ông Trương Quốc Phúc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Thanh Xuân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Danh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Cao Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

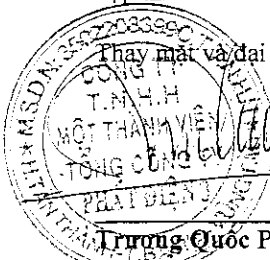
Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trương Quốc Phúc
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 08 tháng 4 năm 2015

Số: 707/VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ tịch và Ban Tổng Giám đốc
Công ty TNHH Một Thành Viên - Tổng Công ty Phát điện 3

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty TNHH Một Thành Viên - Tổng Công ty phát điện 3 (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây được gọi tắt là “Tổng Công ty”) được lập ngày 08 tháng 4 năm 2015, từ trang 4 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chúng tôi tiến hành kiểm toán nhằm mục đích đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 4 đến trang 40. Thông tin bổ sung trang 41 không phải là phần bắt buộc của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm về việc trình bày thông tin bổ sung này. Các thông tin này không nằm trong phạm vi của cuộc kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất và do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về thông tin này.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính hợp nhất vấn đề sau:

Như trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty áp dụng Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 (“Thông tư 179”) về chênh lệch tỷ giá. Thông tư 179 thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”). Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (“VAS 10”) - “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”, ngoại trừ việc cho phép Tổng Công ty được tiếp tục xử lý các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối niên độ kế toán của các khoản công nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ của các năm trước, trước khi Thông tư 179 có hiệu lực như theo quy định tại Thông tư 201. Quy định này tại Thông tư 179 có sự khác biệt so với VAS 10. Ảnh hưởng của việc Tổng Công ty áp dụng Thông tư 179 đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề nhấn mạnh này không ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán của chúng tôi nêu trên.



Nguyễn Quang Trung

Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0733-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 08 tháng 4 năm 2015

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Văn Đình Khuê

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1178-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		11.097.049.811.522	11.158.027.710.605
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.260.941.508.757	2.634.103.029.413
1. Tiền	111		2.025.941.508.757	1.997.727.128.126
2. Các khoản tương đương tiền	112		235.000.000.000	636.375.901.287
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.059.000.000.000	1.097.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	1.059.000.000.000	1.097.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.539.717.462.898	5.016.470.380.601
1. Phải thu khách hàng	131		2.618.781.142.072	1.313.788.651.542
2. Trả trước cho người bán	132		2.780.985.365.543	3.150.805.982.478
3. Các khoản phải thu khác	135	7	139.950.955.283	552.031.338.082
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	(155.591.501)
IV. Hàng tồn kho	140	8	1.726.204.075.054	1.934.429.803.695
1. Hàng tồn kho	141		1.742.871.275.672	1.941.963.038.304
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(16.667.200.618)	(7.533.234.609)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		511.186.764.813	476.024.496.896
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.718.738.971	2.199.711.886
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		502.122.174.451	437.279.431.258
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	17	5.879.867.559	30.849.566.999
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.465.983.832	5.695.786.753
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		72.070.862.771.867	69.585.982.474.990
I. Tài sản cố định	220		70.236.077.769.971	66.921.775.754.433
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	13.274.065.308.969	25.777.614.102.100
- Nguyên giá	222		49.837.446.325.705	59.845.277.713.579
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(36.563.381.016.736)	(34.067.663.611.479)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	62.754.815.806	42.715.835.116
- Nguyên giá	228		73.975.803.528	65.928.466.837
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.220.987.722)	(23.212.631.721)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	56.899.257.645.196	41.101.445.817.217
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.773.812.144.133	1.639.153.157.302
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	13	1.267.877.627.539	1.183.948.387.343
2. Đầu tư dài hạn khác	258	14	517.814.589.388	467.814.589.388
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(11.880.072.794)	(12.609.819.429)
III. Tài sản dài hạn khác	260		60.972.857.763	1.025.053.563.255
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	60.960.857.763	1.024.830.723.255
2. Tài sản dài hạn khác	268		12.000.000	222.840.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		83.167.912.583.389	80.744.010.185.595

Các thuyết minh kèm theo từ trang 9 đến trang 40 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		72.146.126.968.192	67.670.039.587.622
I. Nợ ngắn hạn	310		16.954.186.203.875	18.927.258.344.527
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	7.363.417.058.508	3.964.580.976.599
2. Phải trả người bán	312		8.029.638.826.831	6.781.500.198.941
3. Người mua trả tiền trước	313		228.979.723	619.339.091
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	191.574.788.057	187.107.927.290
5. Phải trả người lao động	315		193.922.387.301	166.503.064.913
6. Chi phí phải trả	316		50.418.897.483	20.436.886.753
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	1.029.099.484.625	7.751.007.873.417
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		95.885.781.347	55.502.077.523
II. Nợ dài hạn	330		55.191.940.764.317	48.742.781.243.095
1. Vay và nợ dài hạn	334	19	55.187.927.260.408	48.736.828.495.581
2. Doanh thu chưa thực hiện	338	20	4.013.503.909	5.952.747.514
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		10.696.381.235.855	12.777.506.072.012
I. Vốn chủ sở hữu	410		10.696.381.235.855	12.777.506.072.012
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	21	10.487.655.874.046	12.400.642.458.755
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	21	6.014.917.945	6.014.917.945
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	21	11.931.846.660	10.047.959.908
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	23	(810.942.597.255)	(514.824.732.641)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417	23	58.846.248.077	107.795.223.272
6. Quỹ dự phòng tài chính	418	23	25.433.701.326	23.462.333.250
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	23	11.122.267.549	8.910.405.380
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	22	795.725.549.905	530.880.574.526
9. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	23	110.593.427.602	204.576.931.617
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	24	325.404.379.342	296.464.525.961
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		83.167.912.583.389	80.744.010.185.595

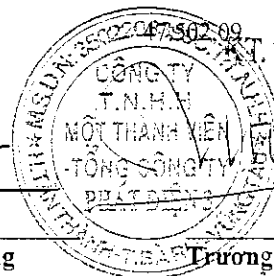
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2014	31/12/2013
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ ("VND")	-	186.078.801
2. Ngoại tệ - Đô la Mỹ ("USD")	40.096,66	

Vũ Phương Thảo
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng

Trương Quốc Phúc
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 08 tháng 4 năm 2015



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

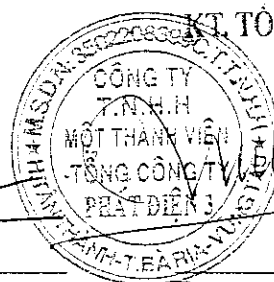
MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	26	26.647.399.249.865	19.438.976.403.947
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	24.540.747.492.765	16.535.710.206.184
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.106.651.757.100	2.903.266.197.763
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	937.974.739.470	1.589.585.416.039
5. Chi phí tài chính	22	29	2.419.787.866.831	3.857.091.586.774
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.167.029.199.623	1.192.918.104.051
6. Chi phí bán hàng	24		608.952.566	629.922.467
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		233.167.201.120	218.002.181.397
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20+(21-22)-(24+25)]	30		391.062.476.053	417.127.923.164
9. Thu nhập khác	31		53.393.558.698	109.691.044.909
10. Chi phí khác	32		38.613.219.808	288.947.496.080
11. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40	30	14.780.338.890	(179.256.451.171)
12. Phần lợi nhuận trong công ty liên kết	45		197.976.188.196	144.936.760.192
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		603.819.003.139	382.808.232.185
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	84.550.258.174	90.489.279.621
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	9.000.000.000
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		519.268.744.965	283.318.952.564
16.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	61	24	47.679.030.490	25.563.465.671
16.2 Lợi ích của chủ sở hữu Công ty mẹ	62		471.589.714.475	257.755.486.893

Vũ Phương Thảo
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

Trương Quốc Phúc
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 08 tháng 4 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	603.819.003.139	382.808.232.185
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.359.851.417.139	3.248.057.013.331
Các khoản dự phòng	03	8.248.627.873	9.679.200.608
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	422.923.623.328	1.217.622.548.041
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(265.472.476.383)	(300.766.331.080)
Chi phí lãi vay	06	1.167.029.199.623	1.192.918.104.051
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	5.296.399.394.719	5.750.318.767.136
Thay đổi các khoản phải thu	09	(4.323.422.375.665)	1.947.764.802.239
Thay đổi hàng tồn kho	10	(177.255.072.470)	134.302.907.265
Thay đổi các khoản phải trả	11	11.063.519.843.055	665.777.170.659
Thay đổi chi phí trả trước và tài sản khác	12	(65.994.431.288)	1.595.357.241
Tiền lãi vay đã trả	13	(1.821.761.611.770)	(1.208.804.279.799)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(83.518.534.030)	(91.395.505.197)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2.761.531.015	547.914.286
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(59.870.999.406)	(9.701.869.847)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.830.857.744.160	7.190.405.263.983
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	21	(28.076.661.864.467)	(21.906.212.921.043)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	1.907.277.109	279.692.035
3. Tiền chi gửi ngắn hạn tại ngân hàng	23	(743.000.000.000)	(547.000.000.000)
4. Tiền thu hồi từ các khoản tiền gửi ngắn hạn	24	781.000.000.000	326.631.160.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(50.000.000.000)	-
6. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	193.685.065.789	137.800.276.123
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(27.893.069.521.569)	(21.988.501.792.885)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	634.206.300
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	21.307.992.224.140	19.554.841.510.311
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.554.183.156.068)	(3.041.663.917.794)
4. Lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(64.769.414.950)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	17.689.039.653.122	16.513.811.798.817
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(373.172.124.287)	1.715.715.269.915
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.634.103.029.413	-
Tiếp nhận từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam	60	-	920.990.949.827
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	10.603.631	(2.603.190.329)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	2.260.941.508.757	2.634.103.029.413

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

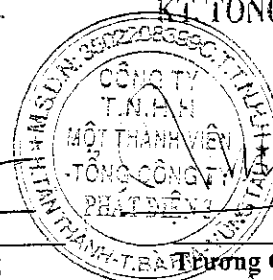
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác trong năm bao gồm tiền chi mua hàng tồn kho cho mục đích xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác, tiền chi trả lãi vay trong giai đoạn xây dựng cơ bản.

Tại ngày 01 tháng 11 năm 2014, Tổng Công ty đã chuyển Công ty Thủy điện Huội Quảng – Bán Chát và Ban Quản lý Dự án Thủy Điện 1 về cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam quản lý bằng việc giảm nguyên giá, khấu hao lũy kế của tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản dở dang, các khoản phải thu, hàng tồn kho, chi chi trả trước, các khoản đầu tư dài hạn và các tài sản khác tương ứng, giảm nợ phải trả, giảm các khoản vay và nguồn vốn. Đây là các nghiệp vụ không phải bằng tiền, vì vậy không được trình bày trong báo cáo trên.

Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 3.127.206.914.604 đồng (năm 2013: 8.008.103.214.738 đồng) là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm và 385.945.140.244 đồng (năm 2013: 215.445.889.964 đồng) là chi phí lãi vay đã vốn hóa vào công trình xây dựng cơ bản dở dang mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Vũ Phương Thảo
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

Trương Quốc Phúc
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 08 tháng 4 năm 2015



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tổng Công ty bao gồm Công ty mẹ và các công ty con, chi tiết như sau:

Công ty mẹ

Công ty TNHH Một Thành Viên - Tổng Công ty Phát điện 3 (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 3025/QĐ-BCT ngày 01 tháng 6 năm 2012 của Bộ Công thương, hoạt động theo hình thức Tổng Công ty - công ty con, trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, trên cơ sở tổ chức, sắp xếp lại Công ty TNHH Một Thành Viên Nhiệt điện Phú Mỹ, các Công ty phát điện hạch toán phụ thuộc, các Ban quản lý dự án nguồn điện và tiếp nhận quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại một số Công ty phát điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3502208399 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 26 tháng 11 năm 2012. Tuy nhiên, theo hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp, năm tài chính đầu tiên của Tổng Công ty sẽ từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty bao gồm:

- Công ty mẹ - Công ty TNHH Một Thành Viên - Tổng Công ty Phát Điện 3;
- Các công ty con: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa và Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình;
- Các công ty liên kết: Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 2.646 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 2.849 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty mẹ là sản xuất, kinh doanh điện năng; quản lý vận hành sửa chữa bảo dưỡng, đại tu, cải tạo, nâng cấp thiết bị điện, công trình điện; ngoài ra, Công ty mẹ còn hoạt động trong một số lĩnh vực khoa học, công nghệ, nghiên cứu triển khai, đào tạo phục vụ cho lĩnh vực kinh doanh chính.

Công ty con

- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình (gọi tắt là “NBP”):

NBP được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Nhiệt điện Ninh Bình theo Quyết định số 3945/QĐ-BCN ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0903000161 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Bình cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007. Ngày 25 tháng 10 năm 2011, NBP được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ nhất, mã số doanh nghiệp 2700283389.

Hoạt động chính của NBP là sản xuất điện, sản xuất sản phẩm hóa chất, sửa chữa và lắp đặt thiết bị điện và các dịch vụ khác có liên quan.

- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (gọi tắt là “BTP”):

BTP được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 2744/QĐ-BCN ngày 26 tháng 8 năm 2005 của Bộ Công nghiệp và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4903000451 cấp ngày 01 tháng 11 năm 2007, thay đổi lần thứ tư và thay đổi mã doanh nghiệp số 3500701305 ngày 24 tháng 09 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Hoạt động chính của BTP là sản xuất kinh doanh điện năng, quản lý vận hành bảo dưỡng, sửa chữa, thi nghiệm, hiệu chỉnh, cải tạo thiết bị điện, các công trình điện, các công trình kiến trúc nhà máy điện và các sản phẩm dịch vụ có liên quan khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Những thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho các quy định trong phần XIII của Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”.

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng các thông tư này đến các báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Tổng Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty mẹ với các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của chủ sở hữu Tổng Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao hoặc chi phí theo dự toán hoặc giá trị tài sản tương đương. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2014
Tài sản cố định	(Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 35
Máy móc, thiết bị (*)	06 - 15
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Tài sản khác	05 - 10

(*) Theo Công văn số 2492/BTC-TCDN ngày 23 tháng 2 năm 2011 của Bộ Tài chính về việc “Khấu hao của Nhà máy điện Phú Mỹ 1”, thời gian khấu hao của máy móc thiết bị được kéo dài thêm 4 năm so với thời gian sử dụng tối đa là 10 năm theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định”. Tổng Công ty đã bắt đầu áp dụng khung khấu hao mới cho máy móc, thiết bị thuộc Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 1 căn cứ theo hướng dẫn tại Công văn số 550/EVN-TCKT ngày 24 tháng 02 năm 2011 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc “Thời gian trích khấu hao của nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 1”.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Theo Công văn số 1017/EVN-TCKT ngày 20 tháng 3 năm 2015, Tổng Công ty đã thay đổi thời gian trích khấu hao đối với một số tài sản cố định hữu hình của các nhà máy điện Phú Mỹ 2.1, Phú Mỹ 2.1 mở rộng và Phú Mỹ 4 bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2014. Theo đó, chi phí khấu hao năm 2014 của Tổng Công ty tăng lên với số tiền khoảng 268 tỷ đồng.

Tất cả tài sản cố định hiện có của Tổng Công ty (gồm cả tài sản chưa cần dùng, không cần dùng, chờ thanh lý) đều phải trích khấu hao theo quy định hiện hành. Khấu hao tài sản cố định dùng trong sản xuất kinh doanh hạch toán vào chi phí kinh doanh; khấu hao tài sản cố định chưa dùng, không cần dùng, chờ thanh lý hạch toán vào chi phí khác.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất nhưng không quá 50 năm.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn (kể cả các chi phí bỏ ra để có được quyền sử dụng đất) không tính khấu hao.

Đối với tài sản cố định vô hình là phần mềm và bản quyền chuyển giao công nghệ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính không quá 10 năm.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê

(a) Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

(b) Tổng Công ty là bên đi thuê

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư mua cổ phiếu hay đầu tư góp vốn với tư cách là cổ đông sáng lập với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của Công ty nhận đầu tư được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản đầu tư dài hạn khác được xác định theo giá vốn trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Công cụ, dụng cụ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Nguồn vốn - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Nguồn vốn do Ngân sách Nhà nước cấp
- Nguồn vốn tự bổ sung từ lợi nhuận kinh doanh được để lại
- Các nguồn vốn khác

Các quỹ bao gồm:

- Quỹ đầu tư phát triển
- Quỹ dự phòng tài chính

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận hàng tháng của Công ty Mua bán Điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Ngoại tệ

Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 (“Thông tư 179”) quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”). Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua tại ngày này do ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản công bố, riêng đối với các khoản công nợ với Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại ngày kết thúc niên độ kế toán được Tổng công ty chuyển đổi theo tỷ giá mua vào (bảng chuyển khoản) của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) công bố tại thời điểm lập báo cáo theo hướng dẫn của Công văn số 4658/EVN-TCKT ngày 19 tháng 11 năm 2014 về việc hướng dẫn lập báo cáo tài chính năm 2014. Chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Đối với Ban quản lý xây dựng các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thì chênh lệch tỷ giá trong quá trình đầu tư được phản ánh lũy kế và phân bổ vào chi phí; thời gian phân bổ không quá 05 năm kể từ khi công trình đi vào hoạt động theo Nghị định số 82/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 8 năm 2014. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (“VAS 10”) ngoại trừ việc cho phép Tổng Công ty được tiếp tục xử lý các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối niên độ kế toán của các khoản công nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ của các năm trước trước khi Thông tư 179 có hiệu lực như theo quy định tại Thông tư 201. Nếu Tổng Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10, số dư lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 01 tháng 01 năm 2014 sẽ giảm khoảng 1.158 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ tăng khoảng 1.158 tỷ đồng, số dư nợ của khoản mục “Chi phí trả trước dài hạn” và số dư nợ của khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 01 tháng 01 năm 2014 sẽ giảm lần lượt tương ứng là khoảng 965 tỷ đồng và 193 tỷ đồng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư 179 và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

00-00
NHÀN
G TY
PHỤ
T T T
NAM
HỒ SƠ

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CONThị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

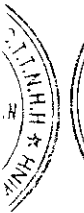
Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	1.015.512.474	2.076.038.861
Tiền gửi ngân hàng	2.024.925.996.283	1.995.651.089.265
Các khoản tương đương tiền	235.000.000.000	636.375.901.287
	<u>2.260.941.508.757</u>	<u>2.634.103.029.413</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn không quá ba tháng.



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CONThị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng TMCP Công thương- Chi nhánh Ninh Bình	-	40.000.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam- Chi nhánh Bà Rịa Vũng tàu	30.000.000.000	120.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- Chi nhánh Vũng tàu	79.000.000.000	57.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- Chi nhánh Bà Rịa	160.000.000.000	150.000.000.000
Ngân hàng TMCP An Bình- Chi nhánh Bà Rịa	60.000.000.000	50.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội	50.000.000.000	100.000.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	510.000.000.000	580.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc Dân Việt Nam	50.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	100.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	20.000.000.000	-
	<u>1.059.000.000.000</u>	<u>1.097.000.000.000</u>

Đầu tư ngắn hạn phản ánh giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại cổ phần và Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực với kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ban quản lý Dự án 300MW	10.745.869.074	11.745.869.074
Chi phí liên quan đến Ban quản lý Thủy điện 5 và Thủy điện 1	-	105.379.090.329
Phải thu liên quan đến việc giải phóng mặt bằng Thủy điện 1	-	22.770.739.769
Phải thu liên đến việc tư vấn quản lý dự án Nhiệt điện 1	3.997.699.440	3.808.875.589
Phải thu Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Tân 3	-	15.192.122.857
Phải thu từ Hội đồng nghiệm thu Nhà nước	542.703.089	542.703.089
Lãi tiền gửi dự thu	30.800.141.665	24.218.325.098
Cò tức được chia	71.779.948.000	-
Chênh lệch tỷ giá gốc vay của EVN	-	329.981.625.214
Phải thu các khoản thuế đã trả hộ	-	15.109.226.091
Phải thu dự án thủy điện tích năng Bắc Ái	6.536.081.726	-
Phải thu khác	15.548.512.289	23.282.760.972
	<u>139.950.955.283</u>	<u>552.031.338.082</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành

Báo cáo tài chính hợp nhất

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***8. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng mua đang đi trên đường	-	5.553.478.974
Nguyên liệu, vật liệu	1.582.396.554.349	1.857.258.213.177
Công cụ, dụng cụ	4.576.004.289	9.617.806.243
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	155.219.458.327	69.110.761.468
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vật tư, thiết bị gửi đi phục hồi</i>	4.324.245.450	69.004.824.303
<i>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang khác</i>	150.895.212.877	105.937.165
Thành phẩm	392.843.601	259.236.710
Hàng hóa	286.415.106	163.541.732
Cộng	1.742.871.275.672	1.941.963.038.304
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(16.667.200.618)	(7.533.234.609)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	1.726.204.075.054	1.934.429.803.695

Hàng tồn kho bao gồm giá trị của vật tư, thiết bị sử dụng cho công tác đầu tư xây dựng cơ bản tại các Ban quản lý dự án và giá trị nguyên liệu, vật liệu và phụ tùng thay thế cho các tài sản phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

12:
HI
ÔN
NH
LC
T
P.1

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CON
 Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành
 Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÀU SÓ B 09-DN/HN

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất)

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Nhà xưởng, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Tổng cộng	
	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND
Tại ngày 01/01/2014	16.306.839.405.929	40.057.999.519.786	3.410.838.970.834	68.612.130.081	1.787.686.949	59.845.277.713.579						
Mua trong năm	424.430.217	9.748.941.032	10.645.612.272	11.324.592.655	2.925.747.226	35.069.323.402						
Chuyển từ đầu tư xây dựng cơ bản	1.643.217.708.370	648.633.621.415	143.391.470.189	-	-	2.435.242.799.974						
Tặng sau quyết toán	-	34.677.038.835	421.081.118	1.016.131.720	-	36.114.251.673						
Diễn chuyển về Tập Đoàn EVN	(9.898.034.000.000)	(2.546.513.396.540)	(19.873.185.155)	(2.768.794.767)	-	(12.467.189.376.462)						
Tiêu hủy, nhượng bán	(589.217.727)	(278.177.340)	(1.723.537.000)	(590.675.760)	-	(3.181.607.827)						
Phân loại sang tài sản cố định vô hình (tài khác)	(15.432.516.369)	-	-	-	-	(15.432.516.369)						
	(11.416.299.752)	(15.556.699.888)	(457.790.905)	(1.023.471.720)	-	(28.454.262.265)						
Tại ngày 31/12/2014	8.025.009.510.668	38.188.710.847.300	3.542.442.621.353	76.569.912.209	4.713.434.175	49.837.446.325.705						
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ												
Tại ngày 1/1/2014	4.108.551.135.724	28.509.770.922.790	1.408.157.977.707	40.878.052.251	305.523.007	34.067.663.611.479						
Khai hao trong năm	597.723.768.994	2.524.835.927.078	227.994.192.421	6.581.350.229	399.057.627	3.357.534.296.349						
Tặng sau quyết toán	5.127.495.120	7.513.811.279	139.611.362	532.969.037	-	13.313.886.798						
Diễn chuyển về Tập Đoàn EVN	(605.224.079.229)	(252.708.739.630)	(11.030.665.273)	(2.291.891.159)	-	(871.255.375.291)						
Tiêu hủy, nhượng bán	(455.471.300)	(278.177.340)	(1.723.537.000)	(590.675.760)	-	(3.047.861.400)						
Giảm khác	-	-	(139.611.362)	(674.293.473)	-	(827.541.199)						
Tại ngày 31/12/2014	4.105.722.849.309	30.789.133.744.177	1.623.397.967.855	44.435.511.125	690.944.270	36.563.381.016.736						
GIÁ TRỊ CÒN LẠI												
Tại ngày 31/12/2014	3.919.286.661.359	7.399.577.103.123	1.919.044.653.498	32.134.401.084	4.022.489.905	13.274.065.308.969						
Tại ngày 31/12/2013	12.198.288.270.205	11.548.228.596.996	2.001.880.993.127	27.734.077.830	1.482.163.942	25.777.614.102.100						

Một số tài sản cố định hữu hình được dùng để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng được trình bày tại Thuyết minh số 16 và Thuyết minh số 19.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.697.209.139.741 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 687.683.362.123 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm và bản quyền chuyên giao công nghệ VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	60.185.430.365	5.743.036.472	65.928.466.837
Mua sắm mới	-	769.289.734	769.289.734
Phân loại từ tài sản cố định hữu hình	15.432.516.369	-	15.432.516.369
Giảm khác	(8.154.469.412)	-	(8.154.469.412)
Tại ngày 31/12/2014	<u>67.463.477.322</u>	<u>6.512.326.206</u>	<u>73.975.803.528</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	19.909.973.790	3.302.657.931	23.212.631.721
Khấu hao trong năm	1.247.515.510	768.319.936	2.015.835.446
Giảm khác	(14.007.479.445)	-	(14.007.479.445)
Tại ngày 31/12/2014	<u>7.150.009.855</u>	<u>4.070.977.867</u>	<u>11.220.987.722</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2014	<u>60.313.467.467</u>	<u>2.441.348.339</u>	<u>62.754.815.806</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>40.275.456.575</u>	<u>2.440.378.541</u>	<u>42.715.835.116</u>

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Công trình xây dựng cơ bản dở dang	56.897.826.322.762	41.096.543.080.292
Dự án nhà máy điện Mông Dương (*)	27.580.942.083.512	15.554.212.853.831
Nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 2 (*)	24.575.165.834.062	18.569.989.699.101
Trung tâm điện lực Vĩnh Tân (*)	296.350.737.496	207.710.104.122
Cảng than Vĩnh Tân (*)	3.660.614.342.492	1.823.567.473.514
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 (*)	781.915.719.273	39.844.468.387
Thủy điện Buôn Kuốp (*)	-	100.436.471.436
Thủy điện Buôn Tua Srah (*)	513.929.708	85.228.826.453
Thủy điện Srêpôk 3 (*)	1.391.483.995	107.638.591.113
Công trình Thủy điện Bàn Chát	-	44.985.835.958
Nhà máy Thủy điện Huội Quảng	-	4.558.295.589.845
Dự án nâng công suất nhà máy điện Phú Mỹ 4	-	577.235.815
Dự án nâng công suất nhà máy điện Phú Mỹ 1	-	573.641.543
Dự án Khu nhà quản lý vận hành và sửa chữa Phú Mỹ 4	-	1.147.839.732
Cải tạo, thay máy biến áp 220/110kV	-	2.313.149.042
Xây dựng nhà Văn phòng 4	6.873.489	-
Xây dựng kho chứa chất thải nguy hại	925.318.735	-
Khác	-	21.300.400
Chi phí sửa chữa lớn	1.431.322.434	4.902.736.925
Kiểm tra và thay đầu máy biến thế 4T	-	4.326.174.491
Nạo vét kênh dẫn nước làm mát Trung tâm Điện lực Phú Mỹ	576.562.434	576.562.434
Cải tạo hệ thống UPS 1 & 2 GT Phú Mỹ 1	854.760.000	-
	<u>56.899.257.645.196</u>	<u>41.101.445.817.217</u>

(*) Các tài sản hình thành trong tương lai từ các công trình xây dựng cơ bản dở dang được dùng để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng được trình bày tại Thuyết minh số 16 và Thuyết minh số 19.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CONThị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Trong năm, tổng chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang với số tiền là 2.004.203.192.817 đồng (năm 2013: 1.746.719.468.910 đồng). Trong đó, lãi vay vốn hóa phát sinh ở Công ty Thủy điện Huội Quảng Bản Chất với số tiền là 409.021.948.902 đồng đã chuyển về EVN như trình bày ở Thuyết minh số 1.

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các Công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	Bà Rịa - Vũng Tàu	79,56%	79,56%	Sản xuất, kinh doanh điện năng
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình	Ninh Bình	54,76%	54,76%	Sản xuất, kinh doanh điện năng

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	287.324.659.967	272.492.500.335
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn Sông Hinh	844.393.180.090	797.634.610.005
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	136.159.787.482	113.821.277.003
	<u>1.267.877.627.539</u>	<u>1.183.948.387.343</u>

Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	Yên Bái	30,00%	30,00%	Sản xuất, kinh doanh điện năng
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn Sông Hinh	Bình Định	30,55%	30,55%	Sản xuất, kinh doanh điện năng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	Gia Lai	30,00%	30,00%	Sản xuất, kinh doanh điện năng

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng tài sản	5.817.142.980.563	5.902.167.169.047
Tổng công nợ	1.484.514.626.999	2.003.962.127.833
Tài sản thuần	4.332.628.353.564	3.898.205.041.214
Phần tài sản thuần trong các công ty liên kết	<u>1.267.877.627.539</u>	<u>1.183.948.387.343</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

	2014 <u>VND</u>	2013 <u>VND</u>
Doanh thu	1.239.231.867.765	911.030.235.626
Lợi nhuận thuần	653.274.709.560	440.400.088.913
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết	<u>197.976.188.196</u>	<u>144.936.760.192</u>

14. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014 <u>VND</u>	31/12/2013 <u>VND</u>
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	64.000.000.000	64.000.000.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải phòng	108.730.000.000	108.730.000.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	114.770.927.800	114.770.927.800
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	83.750.000.000	83.750.000.000
Công ty Cổ phần điện Việt Lào	19.600.000.000	19.600.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Năng Lượng Alstom	74.463.661.588	74.463.661.588
Công ty Cổ Phần Phú Thạnh Mỹ	50.000.000.000	-
	<u>517.814.589.388</u>	<u>467.814.589.388</u>

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014 <u>VND</u>	31/12/2013 <u>VND</u>
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	21.662.372.749	20.227.628.183
Chi phí chuẩn bị sản xuất các công trình Nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp, Buôn Tua Srah và Srêpòk 3	38.390.705.559	39.344.780.738
Chênh lệch tỷ giá chờ phân bổ	-	965.177.950.698
Chi phí khác	907.779.455	80.363.636
	<u>60.960.857.763</u>	<u>1.024.830.723.255</u>

12/01
H N
ÔNG
HIỆP
CƠ
T M
P. H C

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay ngắn hạn	400.000.000.000	740.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	140.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	-	100.000.000.000
Vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam	400.000.000.000	500.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	100.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (*)	400.000.000.000	400.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 19)	6.963.417.058.508	3.224.580.976.599
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	122.196.110.116
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	-	558.596.397.688
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	-	555.868.753.395
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình	-	12.500.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Thăng Long	-	55.601.121.858
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Sở giao dịch	-	171.560.282.000
Ngân hàng Doanh nghiệp và Đầu tư Credit Agricole Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	-	176.437.098.923
Chi nhánh ngân hàng Phát triển Bà Rịa - Vũng Tàu	44.355.661.499	45.405.203.912
Vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam	6.919.061.397.009	1.526.416.008.707
<i>Trong đó chi tiết theo nguồn vay như sau:</i>		
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (**)	264.322.474.356	-
+ Ngân hàng Doanh nghiệp và Đầu tư Credit Agricole Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	178.566.872.188	-
+ Ngân hàng Phát triển Việt Nam (**)	2.650.339.087.218	-
+ Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	410.544.127.584	465.952.414.047
+ Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (**)	2.420.998.500.880	-
+ Ngân hàng Thế giới	102.375.067.743	200.240.660.550
+ Vay trái phiếu	528.940.954.246	556.922.791.178
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	184.968.819.854	182.416.616.046
+ Ngân hàng TMCP Á Châu	133.866.421.152	78.265.299.294
+ Ngân hàng Phát triển Châu Á	10.357.379.153	9.239.450.374
+ Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Trung Quốc	33.781.692.635	33.378.777.218
	<u>7.363.417.058.508</u>	<u>3.964.580.976.599</u>

(*) Khoản vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”) với nguồn vốn mà EVN đã vay của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại theo Hợp đồng vay số 01/2011/EVN-PPC ngày 30 tháng 9 năm 2013. Khoản vay này để đầu tư dự án Thủy điện Srêpôk 3 và Thủy điện Buôn Kuốp. Mức vốn vay là 400.000.000.000 đồng. Thời hạn vay lại của khoản vay này từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 26 tháng 10 năm 2014 và đã được gia hạn. Lãi vay được trả một lần trùng với ngày trả nợ gốc, với mức lãi suất vay lại là lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau bình quân của 4 ngân hàng thương mại quốc doanh gồm: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam; Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam; Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm ký hợp đồng (9,125%/năm) và phí cho vay lại là 0,2%/năm.

(**) Theo công văn số 3036/EVN-TCKT ngày 05 tháng 8 năm 2014 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và 1768/VPCP-KTTH ngày 16 tháng 03 năm 2015 của Văn phòng Chính phủ, đến thời điểm báo cáo tài chính được phát hành, Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Tổng Công ty vẫn đang làm việc với các Ngân hàng để thực hiện chuyển giao chủ thể hợp đồng vay vốn sang Tổng Công ty và tái cấu trúc các khoản vay này.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

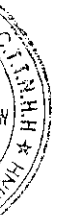
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	103.775.837.984	66.660.706.814
Thuế nhà thầu	225.014.607	17.074.956.380
Thuế tài nguyên	15.273.206.150	8.191.573.685
Thuế thu nhập doanh nghiệp	58.101.530.238	75.853.351.660
Thuế thu nhập cá nhân	2.469.221.638	1.709.204.751
Phí, lệ phí - phí dịch vụ môi trường rừng	11.729.977.440	17.618.134.000
	<u>191.574.788.057</u>	<u>187.107.927.290</u>

Tình hình tăng giảm các khoản thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trong năm như sau:

	Tại ngày 01/01/2014	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Tại ngày 31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	56.006.423.157	1.243.728.401.564	1.200.638.936.646	99.095.888.075
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	48.381.537	48.381.537	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	56.547.038.334	56.547.038.334	-
Thuế nhà thầu	17.074.956.380	40.184.332.257	57.034.274.030	225.014.607
Thuế tài nguyên	8.191.573.685	258.502.049.912	251.420.417.447	15.273.206.150
Thuế thu nhập doanh nghiệp	56.834.943.602	84.781.506.483	83.515.528.392	58.100.921.693
Thuế thu nhập cá nhân	532.329.467	15.800.887.006	15.063.303.940	1.269.912.533
Tiền thuế đất	-	7.385.880.680	7.385.880.680	-
Các loại thuế khác	-	427.361.867	427.361.867	-
Phí dịch vụ môi trường	17.618.134.000	62.504.097.020	68.392.253.580	11.729.977.440
Các khoản nộp phạt	-	34.772.741	34.772.741	-
	<u>156.258.360.291</u>	<u>1.769.944.709.401</u>	<u>1.740.508.149.194</u>	<u>185.694.920.498</u>
Trong đó:				
- Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	<u>30.849.566.999</u>			<u>5.879.867.559</u>
- Thuế và các khoản phải trả Nhà Nước	<u>187.107.927.290</u>			<u>191.574.788.057</u>



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành

Báo cáo tài chính hợp nhất

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bảo lãnh dự thầu	-	377.065.416
Bồi thường, hỗ trợ di dời đường ống dẫn dầu	8.361.211.018	-
Phải trả cho việc xây dựng ngăn kháng điện hạn dòng - Công ty Truyền tải Điện 4	10.511.924.733	58.646.976.816
Tạm trích thuế giá trị gia tăng tháng 12 tạm tính	119.531.664.970	146.028.299.250
Kinh phí công đoàn	892.844.403	492.903.943
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	209.659.246	366.736.250
Phải trả khoản hỗ trợ lãi suất tín dụng đầu tư chưa sử dụng - Thủy điện 1	-	18.472.532.485
Phải trả khác liên quan đến tài sản tạm tăng Công ty Cổ phần Thủy điện Srêpôk 3	613.267.623.287	613.267.623.287
Phải trả cho các khoản chi hộ các chi phí liên quan đến việc mua tài sản	-	115.354.633.583
Trích trước lãi vay của Huội Quảng, Bàn Chát và Buôn Kuốp	3.050.817.721	67.642.565.576
Thuê giá trị gia tăng tiền điện chạy thử nghiệm - BQLDA Vĩnh Tân	97.642.909.847	-
Phải trả hộ cho nhà thầu - BQLDA Vĩnh Tân	3.270.556.026	-
Công trình cải tạo thay MBA 220/110 KV Buôn Kuốp	29.413.591.330	-
Phải trả chi phí văn phòng cho nhà thầu dự án Thái Bình - BQLDA Vĩnh Tân	2.899.863.781	2.899.863.781
Phải trả EVN	123.008.936.280	3.890.754.566.930
Phải trả khác	17.037.881.983	10.931.131.068
	<u>1.029.099.484.625</u>	<u>7.751.007.873.417</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN/HN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	-	1.989.483.441.947
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	891.221.087.771	1.045.969.397.761
Ngân hàng TMCP Á Châu	-	250.394.167.823
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	-	2.675.715.838.114
Ngân hàng Doanh nghiệp và Đầu tư Credit Agricole Việt Nam	-	636.636.657.735
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2.134.864.479.902	2.433.359.642.776
Ngân hàng TMCP An Bình	-	74.187.201.067
Quỹ hỗ trợ phát triển Bà Rịa-Vũng Tàu	532.267.937.814	590.267.650.677
Tổng công ty truyền tải điện Quốc gia	50.000.000.000	-
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.691.000.000.000	-
Vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam	49.888.573.754.921	39.040.814.497.681
+ Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	5.117.897.689.408	6.274.577.170.802
+ Ngân hàng Thế giới	-	100.962.502.496
+ Vay trái phiếu	100.000.000.000	928.940.954.246
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	182.416.630.806
+ Ngân hàng TMCP Á Châu	312.190.994.907	195.663.248.236
+ Ngân hàng Phát triển Châu Á	16.630.351.357.263	13.822.517.419.769
+ Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	17.681.297.152.368	11.925.124.614.216
+ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phà Lại	-	350.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đaklak	774.791.627.761	-
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	2.169.279.114.960
+ Ngân hàng Phát triển Việt Nam	601.605.750.967	2.828.828.149.401
+ Ngân hàng Doanh nghiệp và đầu tư Credit Agricole Việt Nam	465.754.630.410	-
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	540.518.838.667	-
+ Cơ quan Phát triển Pháp	-	262.504.692.749
+ Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Hàn Quốc	7.664.165.713.170	-
	<u>55.187.927.260.408</u>	<u>48.736.828.495.581</u>

Vay dài hạn bao gồm các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng trong nước, ngân hàng nước ngoài và một số khoản vay được vay thông qua Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Các khoản vay này có thời hạn từ 4 năm đến 27 năm. Một số khoản vay bằng Đô la Mỹ chịu lãi suất LIBOR với thời hạn 6 tháng cộng phí dịch vụ. Một số khoản vay bằng Đồng Việt Nam chịu lãi suất tiết kiệm Đồng Việt Nam bình quân 12 tháng trả sau cộng phí dịch vụ. Các khoản vay còn lại có lãi suất cố định từ 2% đến 15,6%/năm. Các khoản vay này được sử dụng để tài trợ cho các dự án điện của Tổng Công ty. Một số khoản vay được thế chấp bằng tài sản cố định hữu hình và các công trình xây dựng cơ bản dở dang, một số khoản vay được bảo lãnh bởi Bộ Tài chính.

12500-
 HI NHẢ
 CÔNG T
 NGHIỆP
 LOIT
 ET NA
 TR 13

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành

Báo cáo tài chính hợp nhất

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	6.963.417.058.508	3.224.580.976.599
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	16.742.180.418.681	19.559.915.270.091
Sau năm năm	38.445.746.841.727	29.176.913.225.490
	<u>62.151.344.318.916</u>	<u>51.961.409.472.180</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay nợ ngắn hạn)	<u>(6.963.417.058.508)</u>	<u>(3.224.580.976.599)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>55.187.927.260.408</u>	<u>48.736.828.495.581</u>

20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện chủ yếu khoản thanh toán trước tiền thuê nhà xưởng từ Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng Alstom theo hợp đồng cho thuê nhà xưởng đến ngày 04 tháng 10 năm 2032.

21. NGUỒN VỐN KINH DOANH

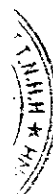
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu <u>VND</u>	Thặng dư vốn cổ phần <u>VND</u>	Vốn khác của chủ sở hữu <u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2013	-	-	-
Nhận bàn giao từ EVN	11.810.725.837.899	-	17.721.171.757
Tăng vốn trong năm (27.302.630.185)	-	-	-
Kết chuyển nguồn hình thành tài sản cố định	603.635.826.577	-	627.915.000
Tăng vốn từ lợi nhuận giữ lại	1.629.228.421	-	-
Tăng vốn từ nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	11.954.196.043	-	-
Điều chỉnh khác	-	7.560.228.689	-
Điều chỉnh cho cổ đông thiểu số	-	(1.545.310.744)	(8.301.126.849)
Tại ngày 31/12/2013	<u>12.400.642.458.755</u>	<u>6.014.917.945</u>	<u>10.047.959.908</u>
Tăng vốn trong năm	721.596.120	-	-
Chuyển về EVN (1.913.708.180.829)	-	-	-
Tăng khác	-	-	1.883.886.752
Tại ngày 31/12/2014	<u>10.487.655.874.046</u>	<u>6.014.917.945</u>	<u>11.931.846.660</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CONThị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***22. LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI**VND

Tại ngày 01/01/2013	-
Tiếp nhận từ EVN	542.992.901.595
Cô tức năm 2012 đã chuyển cho EVN	(61.692.980.404)
Tăng vốn từ lợi nhuận giữ lại	(1.629.228.421)
Lợi nhuận trong năm	257.755.486.893
Chuyển lợi nhuận cho EVN	(92.612.947.400)
Trích các quỹ	(78.978.491.426)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(38.682.443.798)
Tăng khác	3.728.277.487
Tại ngày 31/12/2013	<u>530.880.574.526</u>
Lợi nhuận trong năm	471.589.714.475
Trích quỹ trong năm	(137.247.499.140)
Chuyển về EVN	(74.994.536.564)
Tăng khác	5.564.968.070
Giảm khác	(67.671.462)
Tại ngày 31/12/2014	<u><u>795.725.549.905</u></u>



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU SỐ B 09-DN/HN

23. CHIẾN LỆCH TỶ GIÁ HỐI ĐOẠI VÀ CÁC QUỸ KHÁC

	Chênh lệch tỷ giá hối doái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác của chủ sở hữu VND	Nguồn vốn đầu tư XDCB VND
Tại ngày 01/01/2013					
Nhận bán giao từ EVN	(223.885.108.925)	25.321.886.379	31.996.332.195	5.000.869.603	808.212.758.194
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
Kết chuyển nguồn hình thành tài sản cố định	(290.939.623.716)	(343.846.254)	-	-	(603.635.826.577)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-
Thường ban điều hành	-	-	-	(500.000.000)	-
Trích các quỹ	-	63.785.550.856	9.863.427.046	6.698.734.947	-
Phân loại lại	-	18.397.425.991	(18.397.425.991)	-	-
Điều chỉnh cho cổ đông thiểu số	-	634.206.300	-	(2.289.199.170)	-
Tại ngày 31/12/2013	(514.824.732.641)	107.795.223.272	23.462.333.250	8.910.405.380	204.576.931.617
Chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản					
(i)	(305.446.494.337)	-	-	-	-
Trích quỹ	-	63.668.107.932	1.971.368.076	2.419.938.094	-
Kết chuyển nguồn hình thành tài sản cố định	-	(1.883.886.752)	-	-	-
Phân loại lại các quỹ	-	(106.217.495.985)	-	-	106.217.495.985
Giảm khác	-	(4.515.700.390)	-	(208.075.925)	-
Chuyển về EVN (i)	9.328.629.723	-	-	-	(200.201.000.000)
Tại ngày 31/12/2014	(810.942.597.255)	58.846.248.077	25.433.701.326	11.122.267.549	110.593.427.602

(i) Theo như công văn số 1905/EVN-TCKT ngày 19 tháng 5 năm 2014, tập đoàn đã hướng dẫn đơn vị hạch toán quỹ đầu tư phát triển theo quy định tại Thông tư số 220/TT-BTC, cụ thể hạch toán giảm quỹ đầu tư phát triển để tăng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

(ii) Chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản bao gồm chênh lệch tỷ giá của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thì chênh lệch tỷ giá trong quá trình đầu tư được phản ánh lũy kế và phân bổ vào chi phí; thời gian phân bổ không quá 05 năm kể từ khi công trình đi vào hoạt động theo Nghị định số 82/2014/ND-CP ngày 25 tháng 8 năm 2014.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CONThị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***24. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con NBP và BTP.

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số tại các công ty con được xác định như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vốn điều lệ của Công ty con	733.511.000.000	733.511.000.000
Trong đó:		
Vốn sở hữu bởi Công ty mẹ	551.689.970.000	551.689.970.000
Vốn sở hữu bởi cổ đông thiểu số	<u>181.821.030.000</u>	<u>181.821.030.000</u>
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	<u>25%</u>	<u>25%</u>

Lợi ích của cổ đông thiểu số bằng tài sản thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng tài sản	2.347.316.260.767	2.265.155.253.441
Tổng nợ phải trả	<u>(1.059.103.069.352)</u>	<u>(1.082.259.258.734)</u>
Tài sản thuần	<u>1.288.213.191.415</u>	<u>1.182.895.994.707</u>
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn điều lệ	733.511.000.000	733.511.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	7.560.228.689	7.560.228.689
Vốn khác của chủ sở hữu	21.789.347.444	18.349.086.757
Các quỹ khác	110.197.142.867	108.297.803.228
Lợi nhuận chưa phân phối	<u>415.155.472.415</u>	<u>315.177.876.033</u>
Lợi ích của cổ đông thiểu số	325.404.379.342	296.464.525.961
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn điều lệ	181.821.030.000	181.821.030.000
Thặng dư vốn cổ phần	1.545.310.744	1.545.310.744
Vốn khác thuộc chủ sở hữu	9.857.500.784	8.301.126.849
Các quỹ khác	33.735.363.358	36.226.863.307
Lợi nhuận chưa phân phối	<u>98.445.174.456</u>	<u>68.570.195.061</u>

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013:

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận trong năm	178.581.606.307	86.668.255.569
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh	<u>47.679.030.490</u>	<u>25.563.465.671</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CONThị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***25. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Tổng Công ty là kinh doanh điện và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Tổng Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty.

26. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2014	2013
	VND	VND
Doanh thu tiêu thụ điện	26.590.650.368.426	19.407.285.439.002
Doanh thu bán sản phẩm khác	13.813.447.707	16.092.261.859
Dịch vụ khác	42.935.433.732	15.598.703.086
	<u>26.647.399.249.865</u>	<u>19.438.976.403.947</u>

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2014	2013
	VND	VND
Giá vốn tiêu thụ điện	24.491.389.489.749	16.508.124.770.928
Giá vốn sản phẩm khác	12.429.859.989	14.467.079.240
Giá vốn dịch vụ khác	36.928.143.027	13.118.356.016
	<u>24.540.747.492.765</u>	<u>16.535.710.206.184</u>

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2014	2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi	100.148.044.714	122.359.158.629
Cổ tức, lợi nhuận được chia	27.200.500.000	5.474.163.500
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14.571.106.537	42.757.875.854
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	796.055.088.219	1.418.994.218.056
	<u>937.974.739.470</u>	<u>1.589.585.416.039</u>

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2014	2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.167.029.199.623	1.192.918.104.051
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	31.977.564.763	14.946.897.197
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.221.510.849.080	2.636.616.766.097
(Hoàn nhập)/dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	(729.746.635)	12.609.819.429
	<u>2.419.787.866.831</u>	<u>3.857.091.586.774</u>

0-0
 IÁN
 TY
 NHƯ
 TT
 AM
 00

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

30. LỢI NHUẬN/(LỖ) KHÁC

	2014 VND	2013 VND
Thu từ Ban quản lý dự án Nhà máy điện Thái Bình 2	879.985.650	7.328.955.445
Thu từ thanh lý vật tư, tài sản	15.419.415.480	4.272.712.200
Thu nhập từ vật tư thu hồi của các công trình sửa chữa lớn	-	26.808.099.841
Thu nhập từ đánh giá lại tài sản đưa đi góp vốn	-	27.981.099.330
Thu từ tiền phạt vi phạm hợp đồng	1.567.846.961	196.432.050
Chi phí đào tạo điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước	-	19.953.457.900
Vật tư, thiết bị miễn phí từ nhà thầu	10.700.767.374	9.677.062.192
Chiết khấu giảm 30% của phụ lục hợp đồng 01-13/LTRSA	18.453.836.827	-
Thu khác liên quan đến Buôn Kuốp	-	8.571.043.723
Bán tro xỉ	2.340.216.300	-
Thu nhập khác	4.031.490.106	4.902.182.228
	53.393.558.698	109.691.044.909
Chi phí cho Ban quản lý dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	879.985.650	7.328.955.537
Giá trị của vật tư, tài sản thanh lý	24.235.119.697	9.059.837.939
Các khoản thuế bị truy thu và nộp phạt	4.231.986.653	228.922.729.719
Chi phí khấu hao khu quản lý vận hành và sửa chữa nhà máy Phú Mỹ 1 và Phú Mỹ 4	57.929.364	20.919.289.285
Điều chỉnh theo biên bản của kiểm toán Nhà nước	-	11.272.336.758
Chi phí khấu hao khu quản lý vận hành các nhà máy điện trên sông Srêpok 3	3.351.276.425	-
Chi tiền phạt vi phạm hợp đồng	135.942.765	148.414.902
Chi phí khác liên quan đến Buôn Kuốp	-	8.292.775.590
Chi phí cho tổ vận tro xỉ	2.134.542.861	-
Chi phí khác	3.586.436.393	3.003.156.350
	38.613.219.808	288.947.496.080
Lợi nhuận/(lỗ) khác	14.780.338.890	(179.256.451.171)

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	454.436.977.218	382.808.232.185
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(76.143.033.924)	(186.065.410.639)
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	5.568.383.382	161.697.448.705
Thu nhập chịu thuế	383.862.326.676	358.440.270.251
Thuế suất áp dụng	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	84.449.711.869	89.610.067.563
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung từ các năm trước	100.546.305	879.212.058
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	84.550.258.174	90.489.279.621

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% (năm 2013: 25%) trên thu nhập chịu thuế.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CONThị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***32. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Tổng Công ty có khoản công nợ tiềm tàng liên quan đến vấn đề một số Công ty thủy điện trực thuộc Tổng Công ty phải thực hiện công tác trồng rừng thay thế theo Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng và Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về quy định trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. Chưa có bất kỳ điều chỉnh nào trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 do chưa có cơ sở chắc chắn để ước tính giá trị khoản công nợ này.

33. CAM KẾT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, theo kế hoạch đầu tư xây dựng, Tổng Công ty sẽ đầu tư khoảng 18.737 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 33.355 tỷ đồng) để xây dựng các nhà máy điện và các công trình khác.

Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam đã ký Hợp đồng kinh tế Mua bán khí Nam Côn Sơn số 01-NCS/PV-EVN ngày 15 tháng 10 năm 2001 với thời hạn là 20 năm, Tổng Công ty tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ trên hợp đồng này. Đối với mỗi năm hợp đồng trong giai đoạn bình ổn và sẽ bắt đầu từ năm hợp đồng thứ 2, lượng khí tiêu thụ hàng năm sẽ bằng 1,85 tỷ mét khối tiêu chuẩn.

34. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a. Cam kết thuê hoạt động – Tổng Công ty là bên đi thuê**

	2014 <u>VND</u>	2013 <u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	5.957.579.700	4.375.648.700

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2014 <u>VND</u>	31/12/2013 <u>VND</u>
Trong vòng một năm	5.965.683.038	5.250.778.410
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	23.862.732.152	21.003.113.640
Sau năm năm	211.371.180.817	167.657.354.631
	<u>241.199.596.007</u>	<u>193.911.246.681</u>

Cam kết thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê 955.751 m² đất tại Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam trong 38 năm kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2012 với số tiền thuê mỗi năm là 5.250.778.400 đồng.

Năm 2014, cam kết thuê hoạt động còn thể hiện thêm số tiền thuê 3 thửa đất với diện tích lần lượt là: 282.066,3 m², 321.884 m² và 96.936,6 m² đất tại xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam trong 70 năm kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2013 với số tiền thuê mỗi năm là 1.020 đồng/ m²/năm căn cứ trên Hợp đồng thuê đất số 36/HĐTĐ ngày 31 tháng 7 năm 2014 với Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

b. Cam kết thuê hoạt động – Tổng Công ty là bên cho thuê

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu cho thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	4.270.000.000	390.268.817

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động tương ứng với tiền thuê tối thiểu trong lai nhận được từ Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng Alstom, với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	390.268.817	-
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	17.080.000.000	22.316.814.273
Sau năm năm	<u>55.865.833.333</u>	<u>65.575.338.889</u>
	<u>73.336.102.150</u>	<u>87.892.153.162</u>

Tổng Công ty cho thuê hoạt động nhà xưởng với điều kiện không hủy ngang. Bên đi thuê phải thanh toán các khoản tiền thuê cố định căn cứ trên các hợp đồng thuê đã được ký.

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần, bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 và Thuyết minh số 19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	62.551.344.318.916	52.701.409.472.180
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	2.260.941.508.757	2.634.103.029.413
Nợ thuần	60.290.402.810.159	50.067.306.442.767
Vốn chủ sở hữu	<u>10.696.381.235.855</u>	<u>12.777.506.072.012</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>5,64</u>	<u>3,92</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

2500-
 NHẢ
 ĐNG T
 HIỆM H
 LOIT
 T NA
 TP. HỒ

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành

Báo cáo tài chính hợp nhất

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.260.941.508.757	2.634.103.029.413
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.758.732.097.355	1.865.664.398.123
Đầu tư tài chính	1.564.934.516.594	1.552.204.769.959
Tổng cộng	6.584.608.122.706	6.051.972.197.495
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	62.551.344.318.916	52.701.409.472.180
Phải trả người bán và phải trả khác	9.058.738.311.456	14.531.648.432.165
Chi phí phải trả	50.418.897.483	20.436.886.753
Tổng cộng	71.660.501.527.855	67.253.494.791.098

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành

Báo cáo tài chính hợp nhất

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền (bao gồm tiền, các khoản phải thu và các tài sản khác) và công nợ bằng tiền (bao gồm các khoản phải trả và các khoản vay) có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	1.025.910.173	1.059.000.577	48.241.416.320.905	30.924.779.310.781
Franc Thụy Sĩ (CHF)	-	-	391.674.789	4.127.776.348
Nhân dân tệ (CNY)	-	-	2.065.788.979.205	2.076.502.197.526
Euro (EUR)	-	-	-	762.722.612
Yên Nhật (JPY)	-	-	5.563.259.108.984	6.740.529.584.849
Won (KRW)	-	-	578.232.839.371	635.672.854.589

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ, Yên Nhật, Franc Thụy Sĩ, Nhân dân tệ, Won Hàn Quốc và Euro.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 1% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 1% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 1% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 1% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng các khoản như sau:

	2014	2013
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	(482.403.904.107)	(309.237.203.102)
Franc Thụy Sĩ (CHF)	(3.916.748)	(41.277.763)
Nhân dân tệ (CNY)	(20.657.889.792)	(20.765.021.975)
Euro (EUR)	-	(7.627.226)
Yên Nhật (JPY)	(55.632.591.090)	(67.405.295.848)
Won (KRW)	(5.782.328.394)	(6.356.728.546)

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay theo lãi suất thả nổi. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý. Với giả định là số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 1% thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty trong năm sẽ giảm/tăng 79.430.859.048 đồng (năm 2013: 32.233.374.233 đồng).

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu chủ yếu là từ các công ty trong cùng Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà Tập đoàn Điện lực Việt Nam cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
31/12/2014				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.260.941.508.757	-	-	2.260.941.508.757
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.758.732.097.355	-	-	2.758.732.097.355
Đầu tư tài chính	1.059.000.000.000	505.934.516.594	-	1.564.934.516.594
Tổng cộng	6.078.673.606.112	505.934.516.594	-	6.584.608.122.706
31/12/2014				
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	7.365.417.058.508	16.742.180.418.681	38.445.746.841.727	62.551.344.318.916
Phải trả người bán và phải trả khác	9.058.738.311.456	-	-	9.058.738.311.456
Chi phí phải trả	50.418.897.483	-	-	50.418.897.483
Tổng cộng	16.472.574.267.447	16.742.180.418.681	38.445.746.841.727	71.660.501.527.855
Chênh lệch thanh khoản thuần	(10.393.900.661.335)	(16.236.245.902.087)	(38.445.746.841.727)	(65.075.893.405.149)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành

Bảo cáo tài chính hợp nhất

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.634.103.029.413	-	-	2.634.103.029.413
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.865.664.398.123	-	-	1.865.664.398.123
Đầu tư tài chính	1.097.000.000.000	455.204.769.959	-	1.552.204.769.959
Tổng cộng	5.596.767.427.536	455.204.769.959	-	6.051.972.197.495
31/12/2013				
Các khoản vay	3.964.580.976.599	19.559.915.270.091	29.176.913.225.490	52.701.409.472.180
Phải trả người bán và phải trả khác	14.531.648.432.165	-	-	14.531.648.432.165
Chi phí phải trả	20.436.886.753	-	-	20.436.886.753
Tổng cộng	18.516.666.295.517	19.559.915.270.091	29.176.913.225.490	67.253.494.791.098
Chênh lệch thanh khoản thuần	(12.919.898.867.981)	(19.104.710.500.132)	(29.176.913.225.490)	(61.201.522.593.603)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá Tổng Công ty có rủi ro thanh khoản. Tuy nhiên, các khoản phải trả và các khoản vay chủ yếu phát sinh từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng EVN vẫn tiếp tục duy trì các khoản phải trả và các khoản vay này. Do đó, Tổng Công ty không bị áp lực về mặt đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Bên liên quan**

Tập đoàn Điện lực Việt Nam
 Công ty Mua bán Điện
 Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1
 Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2
 Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3
 Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4
 Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực
 Trung tâm Thí nghiệm Điện -
 Tổng Công ty Điện lực Miền Nam
 Tổng Công ty Truyền tải Điện
 Công ty Truyền tải Điện 3
 Trung tâm Công nghệ Thông tin
 Ban quản lý dự án Nhiệt điện 3
 Ban quản lý dự án các công trình điện miền Nam
 Công ty TNHH Thí Nghiệm điện miền Trung
 Công ty TNHH Thí Nghiệm điện miền Bắc
 Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Thái Bình
 Tổng Công ty Truyền tải Điện

Mối quan hệ

Công ty mẹ
 Công ty trong cùng Tập đoàn
 Công ty trong cùng Tập đoàn
 Công ty trong cùng Tập đoàn
 Công ty trong cùng Tập đoàn
 Công ty trong cùng Tập đoàn
 Công ty trong cùng Tập đoàn
 Công ty trong cùng Tập đoàn
 Công ty trong cùng Tập đoàn
 Công ty trong cùng Tập đoàn
 Công ty trong cùng Tập đoàn
 Công ty trong cùng Tập đoàn
 Công ty trong cùng Tập đoàn
 Công ty trong cùng Tập đoàn
 Công ty trong cùng Tập đoàn
 Công ty trong cùng Tập đoàn
 Công ty trong cùng Tập đoàn
 Công ty trong cùng Tập đoàn
 Công ty trong cùng Tập đoàn

1125
 CHI A
 CÔNG
 H NHII
 ELC
 IỆT
 TP.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CONThị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:


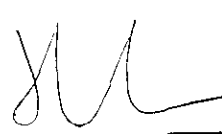
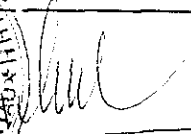
	2014	2013
	VND	VND
Bán điện và cung cấp dịch vụ		
Công ty Mua bán Điện	26.590.179.208.930	19.405.902.929.165
Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Thái Bình	996.768.229	7.354.526.452
Mua điện		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	126.708.801.946	36.957.785.755
Mua dịch vụ		
Trung tâm Thí nghiệm Điện - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	1.608.067.591	765.746.632
Công ty TNHH Thí Nghiệm điện miền Bắc	1.421.953.542	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	100.870.163.910	1.194.956.818
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	9.794.839.671	1.026.089.776
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	3.491.306.897	-
Trung tâm công nghệ thông tin	2.030.929.461	-
Khác - thu lãi tiền gửi		
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	31.397.388.889	72.546.666.667
Khác		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Lợi nhuận chuyển về EVN	70.451.992.374	154.707.932.100
Lãi vay	3.084.129.688.727	2.914.102.604.180
Vay trong năm	22.867.232.159.952	19.407.162.869.243
Thanh toán vay trong năm	3.204.395.996.594	2.887.860.150.884
Tổng Công ty Truyền tải Điện		
Lãi vay	3.701.423.055	-

500-0
NHẬP
NG T
HIỆM H
OIT
T NA
P.HỒ

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CONThị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Công ty Mua bán Điện	2.609.442.240.384	1.299.061.294.701
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	-	4.495.020.000
Các khoản trả trước		
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	124.579.240.292	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	24.179.369.227	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	1.170.507.780	-
Các khoản phải thu khác		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	330.593.637.656
Ban quản lý dự án các công trình điện miền Nam	147.814.634	-
Ban quản lý dự án Nhiệt điện 3	833.367.237	-
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực - lãi tiền gửi	9.243.500.000	11.729.166.667
Các khoản đầu tư ngắn hạn		
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực - tiền gửi có kỳ hạn	510.000.000.000	580.000.000.000
Các khoản phải trả		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	953.294.760	3.059.381.354
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	323.800.802	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	-	499.925.627
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	-	600.719.050
Công ty Truyền tải Điện 3	63.020.000	-
Trung tâm công nghệ thông tin	993.639.761	-
Công ty TNHH Thí Nghiệm điện miền Trung	968.187.533	-
Trung tâm Thí nghiệm Điện - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	654.025.522	840.069.912
Các khoản phải trả khác		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	123.008.936.280	3.887.695.185.576
Tổng Công ty Truyền tải Điện	10.582.688.799	58.717.740.882
Các khoản vay		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	58.898.635.151.930	79.767.724.499.500
Tổng Công ty Truyền tải Điện	50.000.000.000	-


Vũ Phương Thảo
Người lập biểu
Nguyễn Thị Thanh Hương
Kê toán trưởng
Trương Quốc Phúc
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 08 tháng 4 năm 2015